UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2008/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 9 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 16/2005/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc;

Căn cứ Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ toạ độ quốc gia VN-2000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1543/TTr-STNMT ngày 12 tháng 6 năm 2008 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp Thái Nguyên tại công văn số 1555/STP-VBPQ ngày 10 tháng 6 năm 2008 về việc ban hành quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Xuân Đương

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2008/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về hoạt động quản lý, thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đều phải tuân thủ Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đo đạc là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị thu nhận thông tin và xử lý thông tin, nhằm xác định các đặc trưng hình học và các thông tin có liên quan của các đối tượng ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian. Các thể loại đo đạc bao gồm: đo đạc mặt đất, đo đạc đáy nước, đo đạc trọng lực, đo đạc ảnh, đo đạc hàng không, đo đạc vệ tinh, đo đạc hàng hải, đo đạc thiên văn, đo đạc vũ trụ.

2. Bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật thu nhận và xử lý các thông tin, dữ liệu từ quá trình đo đạc, khảo sát thực địa để biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu và màu sắc theo các quy tắc toán học nhất định. Các thể loại bản đồ gồm: bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính, bản đồ biển, bản đồ chuyên ngành và các loại bản đồ chuyên đề khác.

3. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản là xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thành lập các sản phẩm đo đạc và bản đồ đáp ứng nhu cầu sử dụng chung cho các ngành và các địa phương.

a, Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành là việc thành lập các sản phẩm đo đạc và

bản đồ phục vụ riêng cho từng ngành có nhu cầu hoặc từng địa phương.

b, Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, bao gồm:

- Xây dựng hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng: Là việc xây dựng hệ thống điểm toạ độ, độ cao phục vụ cho nhu cầu sử dụng chuyên ngành (Quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, xây dựng, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi…) bao gồm:

+ Lưới tọa độ địa chính cấp I, cấp II và tương đương;

+ Lưới độ cao hạng IV, độ cao kỹ thuật;

- Xây dựng hệ thống bản đồ địa hình phục vụ mục đích chuyên dụng, bản đồ địa chính và các bản đồ chuyên đề;

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý chuyên dụng, hệ thống thông tin đất đai.

4. Hệ quy chiếu là hệ thống toạ độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ; hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước. Hệ quy chiếu và Hệ toạ độ quốc gia VN-2000 được áp dụng thống nhất để xây dựng hệ thống toạ độ các cấp hạng, hệ thống bản đồ địa hình cơ bản, hệ thống bản đồ nền, hệ thống bản đồ địa chính, hệ thống bản đồ hành chính quốc gia và các loại bản đồ chuyên đề khác.

5. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là các điểm có mốc kiên cố trên thực địa được đo liên kết thành các mạng lưới nhằm mục đích xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại: tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực; hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn thống nhất phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và các địa phương; hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

6. Công trình xây dựng đo đạc trong tỉnh, bao gồm:

- Hệ thống mốc đo đạc quốc gia các cấp hạng, bao gồm: mốc toạ độ Nhà nước, mốc độ cao nhà nước hạng I, II, III, IV.

- Hệ thống mốc đo đạc chuyên dụng của tỉnh, bao gồm: Mốc toạ độ địa chính cơ sở (GPS - Global Positioning System), mốc toạ độ địa chính cấp I, II; các mốc toạ độ, độ cao chuyên ngành xây dựng, giao thông, thuỷ lợi...

7. Sản phẩm đo đạc là kết quả thực hiện các thể loại đo đạc, công trình xây dựng đo

đạc và các tư liệu thuyết minh kèm theo, dữ liệu đo và dữ liệu đã xử lý, không ảnh và không ảnh đã xử lý, các tư liệu điều tra khảo sát khác có liên quan.

8. Sản phẩm bản đồ là các loại sơ đồ, bình đồ, bản đồ, bản đồ ảnh, tập bản đồ, át-lát, sa bàn, bản đồ nổi, quả địa cầu được thành lập trên các loại vật liệu truyền thống hoặc trên các phương tiện kỹ thuật số. Ấn phẩm bản đồ là sản phẩm bản đồ được nhân bản trên giấy, trên các loại vật liệu khác hoặc nhân bản bằng kỹ thuật số.

9. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ bao gồm các sản phẩm đo đạc trừ các vật kiến trúc thuộc công trình xây dựng đo đạc, sản phẩm bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin đất đai.

Điều 3. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ theo quy định tại Thông tư số 03/2007/TT-BTNMT ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ.

2. Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ điều kiện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định tại Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Khi người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đo đạc bản đồ tới liên hệ về việc đo đạc, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm giúp đỡ, không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ, bao gồm: Đo đạc ở các thể loại; thành lập, xuất bản, phát hành các sản phẩm bản đồ; lưu trữ, cấp phát, trao đổi, thu nhận thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ; ứng dụng, chuyển giao công nghệ đo đạc và bản đồ; đào tạo nghề nghiệp đo đạc và bản đồ.

Điều 5. Hệ quy chiếu và hệ toạ độ

Xây dựng hệ thống toạ độ các cấp hạng, hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên đề khác đều thống nhất áp

dụng hệ quy chiếu và hệ toạ độ quốc gia VN-2000 theo hướng dẫn tại Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Điều 6. Đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động đo đạc và bản đồ nêu tại Điều 4 Quy định này đều phải đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc phải được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đăng ký, cấp, gia hạn, bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn bộ về khối lượng và chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao thực hiện bằng ngân sách Nhà nước; Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng phần công trình, sản phẩm do mình thực hiện.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách Nhà nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng trên địa bàn tỉnh; thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệm thu, phúc tra tài liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do các tổ chức sự nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện theo khoản 2, khoản 3 điều này.

2. Tổ chức sự nghiệp đo đạc và bản đồ có chức năng thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có nhiệm vụ thẩm định chất lượng khi có yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

3. Tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng thì được thực hiện kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác đo đạc và bản đồ phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng toàn bộ các hạng mục công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình

thực hiện trước khi cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ kiểm tra.

5. Công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải tuân theo các quy định tại Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và những quy định chuyên ngành có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý công trình xây dựng đo đạc

1. Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý hệ thống mốc đo đạc cơ sở quốc gia từ hạng III trở xuống và mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của địa phương.

2. Các sở chuyên ngành khác của tỉnh quản lý hệ thống mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của ngành mình.

Điều 10. Bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

1. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, UBND các cấp có trách nhiệm bảo vệ, ngăn chặn hành vi xâm hại và giáo dục mọi công dân ý thức bảo vệ, giữ gìn công trình xây dựng đo đạc. Mọi hành vi dịch chuyển trái với quy định này, hành vi xâm hại hoặc làm hư hỏng công trình xây dựng đo đạc, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Mọi tổ chức, cá nhân không được tự tiện sử dụng công trình xây dựng đo đạc nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Quy định này. Trong quá trình sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ, không làm hư hỏng mốc đo đạc, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng các mốc đo đạc, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phải tổ chức bàn giao, lập biên bản bàn giao mốc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng mốc tại thực địa, có chữ ký xác nhận của chủ quản lý, sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi đặt mốc cho Uỷ ban nhân dân cấp xã; sau khi hoàn thành toàn bộ dự án, chủ đầu tư phải bàn giao toàn bộ thành quả toạ độ, độ cao các mốc kèm theo bản ghi chú điểm, sơ đồ vị trí mốc cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Trách nhiệm của cán bộ địa chính cấp xã:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý và bảo vệ các mốc đo đạc trên địa bàn địa phương theo biên bản bàn giao cho Uỷ ban nhân dân cấp xã;

b) Ghi vào sổ địa chính ở phần ghi chú về mốc đo đạc trên thửa đất;

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ mốc đo đạc không bị xê dịch, không bị phá hủy hoặc làm hư hỏng;

d) Thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện thấy các mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi phát hiện phải báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp xã để có biện pháp ngăn chặn ngay hành vi xâm hại và trong thời gian không quá 03 ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại mốc đo đạc;

đ) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ mốc đo đạc, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ mốc đo đạc thì cán bộ địa chính cấp xã phải chuyển đơn tới Phòng Tài nguyên và Môi trường;

e) Báo cáo bằng văn bản với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng vào ngày 15 tháng 12 hàng năm.

5. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện):

a) Chỉ rõ cho người được giao đất, thuê đất về các mốc đo đạc đã có trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa;

b) Tiếp nhận đơn từ cán bộ địa chính cấp xã; xem xét tại hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng các mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo của cán bộ địa chính cấp xã;

c) Báo cáo bằng văn bản với Sở Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng vào ngày 01 tháng 01 hàng năm.

6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Khi nhận được báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về tình trạng mốc bị xâm hại thì phải giải quyết hoặc thông báo cho Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường) trong trường hợp công trình xây dựng trên thửa đất làm ảnh hưởng đến mốc đo đạc để quyết định huỷ bỏ, gia cố hoặc di dời;

b) Báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ về hiện trạng mốc đo đạc trên địa bàn tỉnh kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng vào ngày

15 tháng 01 hàng năm.

7. Trách nhiệm của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình nơi có mốc đo đạc:

a) Phải bảo vệ, không được làm hư hỏng mốc đo đạc đặt trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc của mình trong quá trình sử dụng đất và công trình;

b) Khi cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình mà làm ảnh hưởng đến mốc đo đạc (gây nghiêng, lún, vỡ, che khuất hướng ngắm mốc,…) thì phải gửi văn bản đến cán bộ địa chính cấp xã để báo cho cơ quan quản lý mốc đo đạc có biện pháp bảo vệ mốc.

c) Trường hợp phải di chuyển hoặc huỷ bỏ mốc đo đạc thì phải có văn bản báo cho cán bộ địa chính cấp xã, chỉ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý mốc đo đạc thì mới được thực hiện việc di chuyển hoặc huỷ bỏ mốc đo đạc.

Điều 11. Lưu trữ, cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề, hệ thống thông tin địa lý và thông tin đất đai phục vụ cho mục đích chuyên dụng trên địa bàn tỉnh; bảo vệ và bảo mật tài liệu theo quy định.

Công tác quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo các quy định cụ thể tại Thông tư số 03/2007/TT-BTNMT ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ

1. Căn cứ dự toán ngân sách hàng năm được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ và của các Bộ, ngành khác.

2. Các Sở, Ban, ngành, cơ quan, tổ chức có kế hoạch đo đạc và bản đồ phải lập dự án (thiết kế kỹ thuật - dự toán, luận chứng kinh tế - kỹ thuật…) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định để đảm bảo không chồng chéo với các kế hoạch, dự án của các Bộ, ngành, các đơn vị khác về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ; quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ; thẩm định hồ sơ của các tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được ban hành theo Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiểm tra định kỳ việc thực hiện quy chế đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

c) Kiểm tra, thẩm định chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo khoản 1, điều 8 của Quy định này.

d) Quản lý và tổ chức thực hiện việc bảo vệ hệ thống mốc đo đạc, các tài liệu, số liệu về tọa độ, độ cao thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.

2. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, các tổ chức có nhu cầu đo đạc và bản đồ hoặc được giao kế hoạch thực hiện các công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước:

a) Lập dự án (thiết kế kỹ thuật - dự toán, luận chứng kinh tế - kỹ thuật…) theo quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Dự án phải có văn bản thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ được hợp đồng thi công đo đạc bản đồ với các đơn vị đã đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

c) Sản phẩm đo đạc và bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng; trường hợp xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không có giá trị pháp lý khi sử dụng.

d) Khi hoàn thành công trình đo đạc bản đồ, chủ đầu tư phải gửi hồ sơ, tài liệu, sản phẩm và văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nghiệm thu hoặc thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệm thu, phúc tra tài liệu, sản phẩm đã thi công.

đ) Sau khi được kiểm tra, nghiệm thu toàn bộ công trình đo đạc bản đồ chậm nhất là 15 ngày làm việc phải giao nộp 01 bộ sản phẩm (cả dạng giấy và dạng số) về Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, lưu trữ theo quy định.

3. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc.

b) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, hoặc các hành vi xâm hại công trình xây dựng đo đạc phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Thanh tra đo đạc và bản đồ

1. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ thanh tra các hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung thanh tra đo đạc và bản đồ của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Thanh tra về hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo; kiến nghị với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

3. Quyền của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên khi tiến hành thanh tra về hoạt động đo đạc và bản đồ:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra;

b) Quyết định tạm thời đình chỉ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn ngân sách Nhà nước không theo kế hoạch hoặc không theo đúng dự án đã được phê duyệt, gây lãng phí ngân sách hoặc không đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu tổ chức, cá nhân có vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Xuân Đương